

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh **Bùi Viết L** - Sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện O, tỉnh Quảng Bình.

2/ Chị **Phạm Thị Huỳnh N** - Sinh năm: 1995; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Bùi Viết L và chị Phạm Thị Huỳnh N thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh L, chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Bùi Viết L và chị Phạm Thị Huỳnh N có một người con chung là Bùi Phạm Kim N - Sinh ngày 02/5/2014, hiện đang sống chung với chị N. Anh L và chị N thống nhất với nhau là chị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng. Sự thỏa thuận này của anh L, chị N là phù hợp với quy định tại các điều 55, 81, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Bùi Viết L và chị Phạm Thị Huỳnh N thuận tình ly hôn. Anh L, chị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung:

+ Chị Phạm Thị Huỳnh N được quyền tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa chị với anh Bùi Viết L là: Bùi Phạm Kim N - Sinh ngày 02 tháng 5 năm 2014 (hiện đang sống chung với chị N) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi.

+ Anh Bùi Viết L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2020 cho đến khi người con (Bùi Phạm Kim N) đủ mười tám tuổi.

+ Anh Bùi Viết L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Bùi Viết L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Phạm Thị Huỳnh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Bùi Viết L.

+ Vì lợi ích của con chung, anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N trình bày là không có nên không xem xét.

2/ Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Viết L, chị Phạm Thị Huỳnh N tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà anh L, chị N đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010465 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre; anh L, chị N đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Anh Bùi Viết L (01 bản);
- Chị Phạm Thị Huỳnh N (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên